

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201505 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041924	36CCĐ5	Nguy n Ho ấ ng Anh	04/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671041608	36CCĐ5	Tr ng M nh C ng	11/01/1994				6.0			6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	
3	3671041880	36CCĐ5	Nguy n V ấ Nh Ch t	01/01/1993				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
4	3671041835	36CCĐ5	Tr ng ấ nh B o Duy	05/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3671041927	36CCĐ5	Cao V ấ Nh D ấ o	14/07/1993				3.0			3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	
6	3671041892	36CCĐ5	H ấ V ấ Nh D ấ o	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671041899	36CCĐ5	Nguy n Ti n D ấ o	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671041904	36CCĐ5	Tr n Qu c D ấ o	06/08/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
9	3671042018	36CCĐ5	Tr n Xu ấ n D ng	08/02/1993				4.0			4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	
10	3671041659	36CCĐ5	Hoàng ấ t	25/09/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
11	3671041932	36CCĐ5	Hoàng Minh H i	12/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3671041971	36CCĐ5	Nguy n Th ấ nh Hi u	11/10/1992				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
13	3671041673	36CCĐ5	Huu nh Quang Hi u	23/04/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
14	3671041923	36CCĐ5	Nguy n V ấ Nh Hi u	02/06/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
15	3671041929	36CCĐ5	Tr n Trung Hi u	11/11/1994				9.0			9.0	2.7	0.5	0.4	3.1	N HP
16	3671041831	36CCĐ5	Huu nh Xu ấ n Hoàng	31/01/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
17	3671041656	36CCĐ5	L ấ B o Huy	11/06/1994				10.0			10.0	3.0	4.0	2.8	5.8	
18	3671041926	36CCĐ5	Nguy n Ph c Huy	16/05/1994				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
19	3671041657	36CCĐ5	Nguy n Tr ng Ki ấ n	16/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201505 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041625	36CCĐ5	H Th	Ki t	22/12/1993				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
21	3671041888	36CCĐ5	L ² V ấ	Khanh	12/07/1993				4.0			4.0	1.2	8.0	5.6	6.8	
22	3671041579	36CCĐ5	H ấ ấ ấ	Linh	30/08/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
23	3671042045	36CCĐ5	X ấ Ph i	Linh	10/11/1993				1.0			1.0	0.3	3.0	2.1	2.4	
24	3671041560	36CCĐ5	L u V ấ	Long	01/01/1994				9.0			9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
25	3671041890	36CCĐ5	Lê Hoàng	Lu t	15/11/1985				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
26	3671041843	36CCĐ5	H ấ nh	Pháp	24/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671041679	36CCĐ5	B ấ L ² Tu n	Phong	07/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3671041535	36CCĐ5	Nguy n Kh c Ph ng	Quang	10/09/1994				9.0			9.0	2.7	1.0	0.7	3.4	
29	3671041647	36CCĐ5	Nguy n Thanh	Quân	21/03/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
30	3671041885	36CCĐ5	Tô Minh	Quí	07/12/1994				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
31	3671041930	36CCĐ5	Nguy n V ấ	Sang	06/06/1992				9.0			9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	
32	3671041998	36CCĐ5	Nguy n V ấ	Sinh	25/09/1994				6.5			6.5	2.0	0.5	0.4	2.3	
33	3671041642	36CCĐ5	ấ ấ V ấ	S n	01/02/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
34	3671041856	36CCĐ5	Hoàng Minh	Tài	20/08/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
35	3671042031	36CCĐ5	L ² Nh t	Tân	06/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
36	3571011759	36CCĐ5	Ph m Minh	Tân	05/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
37	3671041569	36CCĐ5	ấ ng H u	Ti n	07/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
38	3671041830	36CCĐ5	D ng Ng c	Ti n	16/10/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201505 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041621	36CCĐ5	L ấ ng Anh	Ti n	02/04/1994				1.0			1.0	0.3	0.5	0.4	0.7	
40	3671041652	36CCĐ5	Nguy n H u	Ti n	22/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
41	3671041653	36CCĐ5	Ph m Ng c	Tu ấ n	10/07/1992				1.0			1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	
42	3671041628	36CCĐ5	Phan Anh	Tu n	04/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
43	3671041662	36CCĐ5	Tô Thanh	Tu n	20/07/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
44	3671041635	36CCĐ5	Nguy n Ho ấ ng	Tú	12/02/1994				2.0			2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
45	3671041616	36CCĐ5	Nguy n C ấ ng	Th ấ nh	23/11/1993				9.0			9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
46	3671041901	36CCĐ5	ấ ng B ấ	Thi	06/09/1994				9.0			9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	
47	3671041829	36CCĐ5	Tr n Ch ấ	Thi n	04/05/1994				4.0			4.0	1.2	8.0	5.6	6.8	
48	3671041622	36CCĐ5	L ấ Qu c	Th nh	26/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
49	3671041639	36CCĐ5	L ấ Ng c	Th ấ ng	28/10/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	N HP
50	3671041837	36CCĐ5	V ấ ng Hu ấ nh	Tri u	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
51	3671041574	36CCĐ5	Nguy n H ấ ng Gia	Uy	22/11/1994				1.0			1.0	0.3	6.0	4.2	4.5	
52	3671041985	36CCĐ5	Vô Th ấ nh	Uy ấ n	10/04/1994				1.0			1.0	0.3	3.0	2.1	2.4	N HP
53	3671041571	36CCĐ5	Tô Th ấ i	Vi n	14/08/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
54	3671041959	36CCĐ5	Tr n Qu c	Vi t	30/03/1994				6.0			6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	
55	3671041893	36CCĐ5	V ấ V ấ nh	Vinh	08/03/1993				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
56	3671041951	36CCĐ5	Nguy n S	V ấ O	17/03/1992				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
57	3671041845	36CCĐ5	Tr nh H u	Ý	06/01/1994				6.5			6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	N HP

T ñg s : 57 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa